TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **12**/2017/KDTM-PT
Ngày: 17/11/2017
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư

Cùng các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Tôn Văn Thông

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: ông Đặng Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2017/TLPT-KMTM ngày 13/10/2017 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán* ".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2017/DS-ST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2017/QĐ-PT ngày 26/10/2017, và quyết định hoãn phiên toà số 127/2017/QĐ-HPT ngày 01/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty K

Địa chỉ: lầu A, Toà nhà B, Phường C, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

(Trụ sở mới: Lô A, đường B, khu công nghiệp C, phường D, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương).

Đại diện theo pháp luật: bà H - chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà D, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: 281/66/14 A, Phường B, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

Ông Đ, sinh năm 1972 – Chủ hộ kinh doanh cá thể Đ (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà H, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ông D, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Bà H và ông D uỷ quyền cho ông Đ tham gia tố tụng (văn bản uỷ quyền ngày 03/11/2017)

Người kháng cáo: Công ty K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên Tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông A trình bày:

Ngày 18/3/2008 giữa Công ty K và đại lý Đ (sau đây gọi tắt là đại lý) có xác lập hợp đồng mua bán thức ăn thuỷ sản và hoá chất phục vụ nuôi trồng thuỷ sản do bà Bà H là người đại diện ký xác lập. Theo đó, đại lý Đ sẽ làm đại lý cấp 1 của công ty K và H. Hàng hoá sẽ được đại lý đặt qua điện thoại hoặc Fax, đồng thời ký xác nhận đơn hàng. Giá bán hàng hoá theo giá thông báo từ Công ty theo từng thời điểm và công ty phải báo giá cho đại lý ít nhất là 07 ngày. Đại lý có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và phải thanh toán trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xuất hàng. Đối với mỗi hoá đơn của lô hàng và tổng giá trị của các hàng hoá đơn hàng vào bất cứ thời điểm nào cũng không vượt quá 100.000.000 đồng. Nếu đại lý thanh toán quá hạn 05 ngày kể từ ngày nhận hàng thì đại lý sẽ không được tính chiết khấu. Hàng hoá sẽ được nhận tại nhà máy sản xuất theo địa chỉ: số 5, đường B, khu công nghiệp B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, chi phí vận chuyển hàng hoá do phía đại lý chịu. Hợp đồng có hiệu lực trong thời hạn một năm (năm 2008), nếu sau đó các bên tiếp tục mua bán thì phải ký lại hợp đồng. Sau khi hợp đồng được ký kết thì các bên tiến hành mua bán theo thoả thuận nêu trên. Quá trình mua bán giữa hai bên diễn ra cụ thể như sau: Ngày 08/4/2008 đại lý mua 03 đơn hàng gồm các hoá đơn số 129389 với số tiền 43.850.000 đồng, hoá đơn số 129391 với số tiền 8.400.000 đồng, riêng đối với hàng hoá trong hai hoá đơn số 129390, 129392 là các mặt hàng khuyến mãi. Như vậy, vào ngày 08/4/2008 đại lý đã nợ công ty số tiền 52.250.000 đồng, cộng với 1.500.000 đồng

tiền nợ trước đó vào thời điểm các bên chưa ký hợp đồng, tổng cộng với số tiền 53.750.000 đồng. Sau đó đến ngày 21/6/2008 đại lý tiếp tục mua hai đơn hàng gồm hoá đơn số 83734 với số tiền 5.500.000 đồng và hoá đơn số 83735 với số tiền 12.500.000 đồng. Như vậy, tổng cộng tiền hàng của ngày 21/6/2008 là 18.000.000 đồng. Cộng với số tiền nợ 53.750.000 đồng trước đó thì được số tiền 71.750.000 đồng. Đến ngày 23/6/2008 thì đại lý đã chyển khoản trả 43.750.000 đồng, còn nợ lại 28.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 25/6/2008, đại lý mua một đơn hàng theo hoá đơn số 83761 với số tiền 9.500.000 đồng, cộng với số tiền 28.000.000 đồng còn nợ tổng cộng với số tiền 37.500.000 đồng. Đến ngày 16/7/2008 đại lý có ký xác nhận với công ty số tiền tính đến ngày 15/7/2008 là 37.500.000 đồng, giấy xác nhận nợ do bà H là người ký. Sau đó ngày 17/7/2008 đại lý mua hai đơn hàng cuối cùng, theo hoá đơn số 58878 với số tiền 10.500.000 đồng và hoá đơn số 58879 với số tiền 8.360.000 đồng. Như vậy, tổng cộng tiền hàng mà đại lý đã mua ngày 17/7/2008 là 18.860.000 đồng. Sau đó phía đại lý đã bị quản lý thị trường Bến Tre kiểm tra và phạt 8.500.000 đồng do công ty chưa công bố chất lượng đối với sản phẩm PP Probiotic. Do đó, công ty đã đồng ý trừ số tiền phạt này vào công nợ. Như vậy, số tiền mà đại lý còn nợ lại công ty là 47.860.000 đồng. Đến ngày 30/4/2014 thì phía công ty có lập bảng đối chiếu công nợ nhưng đại lý không ký xác nhận, từ đó công ty đã khởi kiện ra toà.

Căn cứ để công ty khởi kiện là dựa vào tờ giấy xác nhận nợ ngày 16/7/2008 do bà H và biên bản hoà giải ngày 06/6/2016 tại Toà án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre; các hoá đơn bán hàng cho đại lý và bảng xác nhận công nợ do công ty lập. Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Ông Đ, bà Bà H, ông D phải có nghĩa vụ trả cho công ty số tiền tổng cộng là 76.217.000 đồng, trong đó bao gồm 47.860.000 đồng tiền nợ đọng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/7/2016 với số tiền 28.357.000 đồng.

Trong bản tự khai ngày 15/12/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn là ông Ông Đ trình bày: Công ty khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền 76.217.000 đồng thì ông không đồng ý. Bởi vì, ông cho rằng giữa ông và công ty không có quan hệ mua bán với nhau. Ông là chủ đại lý thức ăn Ông Đ, đại lý này đã đăng ký kinh doanh dưới hình thức Hộ kinh doanh cá thể lần đầu vào ngày 13/01/2005 do chính ông là chủ Hộ, vốn kinh doanh do ông tự bỏ ra chứ không hùn vốn với bất cứ ai. Trong quá trình hoạt động từ trước đến nay ông đều

không có nhờ bà H quản lý cửa hàng dùm, mà do ông tự quản lý hoặc nhờ cha ông quản lý hộ khi ông không có ở nhà. Giữa ông và Công ty không có bất kỳ hợp đồng đại lý nào. Đồng thời ông cũng không có uỷ quyền cho bà Hồng ký xác lập giao dịch mua bán, nhận hàng hoá hay ký xác nhận công nợ với Công ty K và H. Do đó, ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Công ty.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Bà H đã khai: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý trả. Bởi vì, việc làm ăn mua bán nếu có chỉ diễn ra giữa Công ty và đại lý, chứ bà không có quan hệ mua bán với công ty. Đối với giấy xác nhận công nợ ngày 16/7/2008 thì bà thừa nhận là chữ ký của mình, nhưng bà ký là do ký dùm ông Đ là anh trai của bà chứ bà không phải xác nhận công nợ cho bà và bà chỉ là người trông coi, quản lý đại lý thức ăn dùm ông Đ. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà, ông Đ cùng có nghĩa vụ trả nợ thì bà không đồng ý, do bà không có nợ.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông D trình bày: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý trả, do ông không có giao dịch mua bán gì với Công ty. Đại lý là do ông Đ đứng tên và quản lý chứ ông không liên quan.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 3, 24 Luật thương mại; khoản 1 Điều 30, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty K về việc buộc ông Ông Đ, bà Bà H, ông D trả số tiền 76.217.000 đồng (bảy mươi sáu triệu hai trăm mười bảy ngàn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/8/2017 Công ty K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu của công ty.

Tại phiên Toà phúc thẩm Công ty giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, buộc ông Ông Đ, bà Bà H, ông D trả số tiền 76.217.000 đồng. Ông Đ không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị y án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng; Về nội dung: Lời khai của các đương sự còn mâu thuẫn, cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Theo đại diện của Công ty trình bày thì hàng của công ty bị Quản lý thị trường Bến Tre kiểm tra và phạt, tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập tài liệu về việc Công ty bị xử phạt. Đề nghị HĐXX huỷ án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Công ty căn cứ vào Hợp đồng đại lý ngày 18/3/2008 do bà Bà H ký, bảng xác nhận công nợ do ông D ký vào ngày 15/12/2014, bảng xác nhận công nợ tồn đọng do bà H ký vào ngày 16/7/2008, biên bản lấy lời khai của bà H ngày 14/02/2017 và biên bản hoà giải ngày 06/6/2017 để yêu cầu ông Đ, bà H và ông D trả số tiền 76.217.000 đồng. Ông Đ không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng giữa ông và Công ty không có giao dịch mua bán với nhau, không có bất kỳ hợp đồng đại lý nào và ông Đ không uỷ quyền cho bà Hồng ký xác lập giao dịch mua bán. Bà H, ông D không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng ông bà không có quan hệ mua bán với công ty.

Công ty cho rằng ngày 18/3/2008 giữa công ty và đại lý có xác lập hợp đồng mua bán thức ăn do bà H là người đại diện ký xác lập. Bà H không thừa nhận chữ ký trong hợp đồng là của bà. Tuy nhiên các bên đương sự lại không yêu cầu giám định để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, Toà án không có đủ cơ sở để khẳng định giá trị pháp lý của hợp đồng.

Tại phiên Toà phúc thẩm hôm nay, đại diện theo uỷ quyền của Công ty yêu cầu Toà án thu thập chứng từ mà quản lý thị trường Bến Tre xử phạt đối với những hàng hoá mà Công ty đã giao cho đại lý Đ trong quá trình mua bán do công ty chưa công bố chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề quản lý thị trường Bến Tre có xử phạt đại lý Đ đối với những sản phẩm do Công ty cung cấp cho đại lý Đ hay không? Nếu có thì xử phạt bao nhiêu? Để làm cơ sở khẳng định yêu cầu khởi kiện của Công ty có đúng hay không? Mặt khác, ô Đ cho rằng không hề ký một hợp đồng đại lý nào với Công ty. Ô Đ cũng không uỷ quyền cho bà H ký bất kỳ hợp đồng nào liên quan đến đại lý H. Lời khai của bà H không thống nhất và mâu thuẫn với lời khai của ông Đ. Cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải huỷ án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện Bình Đại xét xử lại theo thủ tục chung. Do án sơ thẩm bị huỷ nên các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Huỷ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2017/KDTM-ST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, giao hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện Bình Đại xét xử lại theo thủ tục chung.

2. Hoàn trả cho Công ty K số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005955 ngày 15/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Bình Đại;*
- *Chi cục THADS huyện Bình Đại;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Tư

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim Nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2017/DS-ST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Áp dụng Điều 609 của Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Nghị, ông Lê Văn Hùng đối với bà Lê Thị Dung, ông Nguyễn Hữu Thành về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khoẻ bị xâm hại với số tiền là 22.793.000 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Nghị được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**

Huỳnh Ngọc Dũng **Nguyễn Kim Tư** **Nguyễn Thị Ngọc Hương**